

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HẠN NGẠCH THUẾ**  
**QUAN HẰNG NĂM THEO HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - LÀO**

(Kèm theo Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2021  
của Chính phủ)

1. Hạn ngạch nhập khẩu lá thuốc lá chưa chế biến và phế liệu thuốc lá là 3.000 tấn, bao gồm:

STT	Mã số	Mô tả hàng hóa
	<b>24.01</b>	<b>Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.</b>
	<b>2401.10</b>	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:
1	2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
2	2401.10.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
3	2401.10.40	- - Loại Burley
4	2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng
5	2401.10.90	- - Loại khác
	<b>2401.20</b>	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:
6	2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng
7	2401.20.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
8	2401.20.30	- - Loại Oriental
9	2401.20.40	- - Loại Burley
10	2401.20.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng
11	2401.20.90	- - Loại khác
	<b>2401.30</b>	- Phế liệu lá thuốc lá:
12	2401.30.10	- - Cọng thuốc lá
13	2401.30.90	- - Loại khác

2. Hạn ngạch nhập khẩu gạo là 70.000 tấn, bao gồm:

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Mô tả hàng hóa</b>
	<b>10.06</b>	<b>Lúa gạo.</b>
	1006.10	- Thóc:
1	1006.10.90	- - Loại khác
	1006.20	- Gạo lứt:
2	1006.20.10	- - Gạo Hom Mali
3	1006.20.90	- - Loại khác

**Ghi chú:**

1. Tất cả các mặt hàng nêu trên đều được phân loại theo hệ thống AHTN 2022.
2. Chứng nhận xuất xứ của các mặt hàng trên được cấp theo Form S.